

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ học phí Năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẮT THÀNH

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Nghị định số 97/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ (Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm học 2023 – 2024 (Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Công văn số 14/SGDDT-KHTC ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố và hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4244/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ vào chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ học phí Năm học 2023-2024 (danh sách đính kèm) theo nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội Đồng Nhân Dân Thành Phố, cụ thể như sau:

Tổng số học sinh: 2.215 với tổng số tiền là: 3.565.080.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng.)

Trong đó: $180.000đ * 9 \text{ tháng} * 2.191 \text{ học sinh} = 3.549.420.000 \text{ đồng}$

$180.000đ * 7 \text{ tháng} * 03 \text{ học sinh} = 3.780.000 \text{ đồng}$

$180.000đ * 5 \text{ tháng} * 05 \text{ học sinh} = 4.500.000 \text{ đồng}$

$180.000đ * 4 \text{ tháng} * 03 \text{ học sinh} = 2.160.000 \text{ đồng}$

$180.000đ * 3 \text{ tháng} * 05 \text{ học sinh} = 2.700.000 \text{ đồng}$

$180.000đ * 2 \text{ tháng} * 06 \text{ học sinh} = 2.160.000 \text{ đồng}$

$180.000đ * 1 \text{ tháng} * 02 \text{ học sinh} = 360.000 \text{ đồng}$

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện: được Ngân sách Nhà Nước cấp từ nguồn kinh phí không thường xuyên năm 2024.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan tại điều 1, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- KBNN quận 6;
- Lưu: VT,KT(Trân).



HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Anh



DANH SÁCH HỌC SINH THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2023-2024

(Đính kèm Quyết định số 41 /QĐ-NTT ngày 13 tháng 05 năm 2024)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I x 2	7
1	Lê Thụy Mai Anh	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
2	Lưu Nguyễn Minh Anh	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
3	Nguyễn Lê Tú Anh	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
4	Đặng Lưu Nhật Duy	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
5	Nguyễn Vũ Khánh Hạ	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
6	Nguyễn Trí Hào	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
7	Bành Bảo Hiền	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
8	Lê Gia Hiếu	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
9	Trương Minh Hiếu	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
10	Giang Phước Huy	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
11	Lâm Gia Huy	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
12	Nguyễn Bảo Huy	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
13	Phạm Minh Khang	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
14	Mai Xuân Khánh	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
15	Huỳnh Trung Kiên	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
16	Chung Vĩ Kiệt	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
17	Trần Nhã Lâm	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
18	Nguyễn Quỳnh Lộc	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
19	Dương Ngọc Mai	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
20	Nguyễn Lâm Nhật Minh	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
21	Nguyễn Tấn Minh	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
22	Nguyễn Ngọc Thảo My	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
23	Trương Kim Ngân	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
24	Trần Nguyễn Minh Nghĩa	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
25	Hoàng Thị Thanh Nhân	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
26	Nguyễn Thành Nhân	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
27	Vương Thúy Nhi	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
28	Lê Văn Phát	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
29	Nguyễn Gia Phát	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
30	Tạ Linh Phong	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
31	Huỳnh Ngọc Thiên Phú	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
32	Phan Hoàng Phúc	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
33	Trần Xuân Phúc	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
34	Nguyễn Minh Quân	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
35	Trần Di Tâm	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
36	Nguyễn Hoàng Tân	10A1	180.000	5	4	1	900.000	Học từ T9/23 ->T1/24

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
37	Trần Kháng Tân	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
38	Võ Hoàng Minh Tấn	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
39	Phan Kim Thư	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
40	Vương Bảo Toàn	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
41	Nguyễn Bảo Trâm	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
42	Đinh Trần Uyển Trân	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
43	Lưu Quang Trung	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
44	Hồ Lâm Trúc Yên	10A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
45	Hà Duy Anh	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
46	Hứa Gia Bảo	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
47	Nguyễn Trọng Danh	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
48	Lưu Phương Dung	10A2	180.000	3	3	0	540.000	Học từ T9/23 -> T11/23
49	Lục Gia Duyên	10A2	180.000	2	2	0	360.000	Học từ T9/23 -> T10/23
50	Đinh Minh Đạt	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
51	Lý Gia Đạt	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
52	Nguyễn Tiến Đạt	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
53	Phan Khánh Đăng	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
54	Trần Phương Hào	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
55	Thái Quốc Hoàng	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
56	Hồ Minh Hùng	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
57	Trần Quang Huy	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
58	Triệu Gia Huy	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
59	Vương La Phước Hưng	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
60	Phan Ngọc Quỳnh Hương	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
61	Nguyễn Bùi Nhật Kha	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
62	Phạm Nguyễn Đăng Khoa	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
63	Hồng Khải Kỳ	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
64	Trương Nhã Kỳ	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
65	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
66	Nguyễn Tuyết Mai	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
67	Ngô Anh Minh	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
68	Nguyễn Vưu Thanh Ngọc	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
69	Trần Khánh Nguyên	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
70	Đoàn Thị Quỳnh Nhi	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
71	Huỳnh Phát	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
72	Nguyễn Thành Phát	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
73	Nguyễn Hồng Phúc	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
74	Nguyễn Minh Phương	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
75	Bùi Lê Ngọc Quang	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
76	Lê Vinh Quang	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=1×2	7
77	Võ Hoàng Quân	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
78	Dương Chấn Quốc	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
79	Nguyễn Minh Sang	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
80	Trần Hà Như Thủy	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
81	Huỳnh Trần Thanh Thúy	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
82	Bùi Anh Thư	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
83	Đỗ Ngọc Anh Thư	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
84	Dương Ngọc Tiên	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
85	Nguyễn Lê Thành Trí	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
86	Trương Minh Tú	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
87	Lâm Gia Tuấn	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
88	Nguyễn Gia Tuấn	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
89	Nguyễn Cát Tường	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
90	Lê Hoàng Vương	10A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
91	Phan Lộc Phúc An	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
92	Nguyễn Nhật Anh	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
93	Lý Quốc Bảo	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
94	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
95	Nguyễn Hòa Bình	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
96	Lâm Dương Bảo Châu	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
97	Fang Gia Di	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
98	Trịnh Du	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
99	Lê Võ Anh Duy	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
100	Nguyễn Minh Đạt	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
101	Hà Lý Thiên Đăng	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
102	Lương Mỹ Hà	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
103	Trần Lê Trung Hiếu	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
104	Ngô Quang Huy	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
105	Nguyễn Tú Nhất Huy	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
106	Văn Gia Huy	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
107	Lê Anh Khoa	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
108	Nguyễn Đăng Khoa	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
109	Hồ Nguyễn Minh Khôi	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
110	Huỳnh Quốc Kiệt	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
111	Nguyễn Xuân Lam	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
112	Đoàn Hoàng Long	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
113	Dương Phương Mai	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
114	Sơn Thị Trà My	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
115	Trần Hoàng Kim Nga	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
116	Nguyễn Ngọc Uyên Nghi	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
117	Võ Minh Nhân	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
118	Trần Thị Quỳnh Như	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
119	Võ Lê Quỳnh Như	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
120	Nguyễn Thành Phát	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
121	Trương Thành Phát	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
122	Vương Tiến Phát	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
123	Bùi Thị Mai Phương	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
124	Nguyễn Việt Quyết	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
125	Nguyễn Thị Phương Thanh	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
126	Thới Thái Thiện	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
127	Phạm Như Thuận	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
128	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
129	Nguyễn Hồ Phụng Tiên	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
130	Huỳnh Duy Trân	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
131	Hứa Võ Minh Trí	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
132	Dương Hải Triều	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
133	Lê Minh Tuấn	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
134	Lý Mỹ Cát Tường	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
135	Trần Quang Vinh	10A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
136	Nguyễn Hoài Thái An	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
137	Vương Cẩm An	10A4	180.000	1	1	0	180.000	Học từ T9/23 -> T9/23
138	Lương Quế Anh	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
139	Cao Hoàng Gia Bảo	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
140	Võ Ngọc Phương Dung	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
141	Phạm Phước Đức	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
142	Trần Long Giang	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
143	Hoàng Đức Hiếu	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
144	Huỳnh Tấn Hiếu	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
145	Trương Trọng Hiếu	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
146	Nguyễn Hồng Hoa	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
147	Khổng Minh Hoàng	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
148	Lư Chí Hùng	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
149	Lê Bảo Huy	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
150	Nguyễn Minh Gia Huy	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
151	Nguyễn Tuấn Khang	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
152	Nguyễn Ngọc Gia Khánh	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
153	Tạ Hoàng Bảo Khánh	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
154	Trịnh Đăng Khoa	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
155	Hồ Tuấn Kiệt	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
156	Huỳnh Mỹ Kim	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
157	Lý Quốc Minh	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
158	Trần Quý Minh	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
159	Ngô Đào Kim Ngọc	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
160	Trần Hoàng Khánh Ngọc	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
161	Dương Quỳnh Như	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
162	Phạm Hồ Ánh Như	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
163	Ngô Tấn Phát	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
164	Vưu Chung Tấn Phát	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
165	Trang Minh Phong	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
166	Lê Huệ Phúc	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
167	Đoàn Minh Quang	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
168	Nguyễn Đình Sơn	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
169	Cam Gia Thành	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
170	Lê Nguyễn Phước Thiện	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
171	Nguyễn Hưng Thiệu	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
172	Cao Hà Anh Thư	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
173	Nguyễn Võ Trọng Tín	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
174	Trần Thị Thủy Trúc	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
175	Nguyễn Phạm Quốc Tuấn	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
176	Dương Quốc Việt	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
177	Phan Thanh Vũ	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
178	Nguyễn Ngô Phương Vy	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
179	Nguyễn Thị Phương Vy	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
180	Võ Nhật Vỹ	10A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
181	Huỳnh Ngọc Thiên An	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
182	Nguyễn Hoàng An	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
183	Trần Đình An	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
184	Đào Kỳ Anh	10A5	180.000	2	2	0	360.000	Học từ T9/23 -> T10/23
185	Ngô Hoàng Anh	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
186	Vưu Thiên Ân	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
187	Nguyễn Thái Gia Bảo	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
188	Lê Nguyễn Quang Châu	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
189	Hồ Chí Cường	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
190	Lường Hải Cường	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
191	Công Hữu Thanh Danh	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
192	Quách Gia Hào	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
193	Huỳnh Thái Thiên Hạo	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
194	Nguyễn Minh Hiếu	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
195	Lê Bảo Khang	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
196	Huỳnh Anh Kiệt	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
197	Nguyễn Phú Kiệt	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
198	Nguyễn Ngọc Kim	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
199	La Trí Long	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
200	Nguyễn Thiên Long	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
201	Văn Khải Minh	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
202	Phạm Văn Nam	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
203	Mã Kinh Nghĩa	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
204	Nguyễn Hữu Nghĩa	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
205	Phạm Nguyễn Khánh Ngọc	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
206	Thị Trần Khánh Ngọc	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
207	Cao Thị Yến Nhi	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
208	Dương Triệu Yến Nhi	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
209	Võ Ngọc Thảo Nhi	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
210	Trần Hồng Bảo Như	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
211	Ngô Thành Phát	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
212	Nguyễn Phạm Hoài Phương	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
213	Đoàn Minh Quân	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
214	Võ Thanh Quân	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
215	Nguyễn Trần Nguyệt Quế	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
216	Trần Minh Quốc	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
217	Trịnh Quang Minh Quốc	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
218	Nguyễn Huỳnh Khiết San	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
219	Omách Sufizal	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
220	Nguyễn Đỗ Trí Thành	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
221	Trần Sơn Thuận	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
222	Vũ Ngọc Quỳnh Trâm	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
223	Lương Thị Bích Trân	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
224	Hà Thanh Trúc	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
225	Trần Thị Vẹn	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
226	Lê Ngọc Khánh Vy	10A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
227	Lê Ngọc Trâm Anh	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
228	Nguyễn Kim Anh	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
229	Nguyễn Vũ Hoàng Anh	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
230	Vũ Kỳ Anh	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
231	Phạm Hoàng Gia Bảo	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
232	Trần Hải Cường	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
233	Nguyễn Thành Danh	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
234	Nguyễn Trần Thùy Dung	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
235	Nguyễn Đức Duy	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
236	Thông Quế Đình	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
237	Đỗ Anh Hải	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
238	Phan Chí Hào	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
239	Dương Bội Hân	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
240	Lưu Gia Hân	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
241	Huỳnh Khánh Hiệp	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
242	Trần Nguyễn Đình Hiếu	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
243	Lưu Minh Hoàng	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
244	Mai Anh Quốc Huy	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
245	Lai La Hưng	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
246	Nguyễn Hoàng Nguyên Khang	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
247	Nguyễn Minh Khôi	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
248	Trần Tuấn Kiệt	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
249	Văn Quý Kim	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
250	Nguyễn Ánh Linh	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
251	Nguyễn Kim Long	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
252	Lê Quốc Mạnh	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
253	Nguyễn Phương Nghi	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
254	Trần Lâm Bảo Nghi	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
255	Trần Võ Xuân Nghi	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
256	Đoàn Thanh Ngọc	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
257	Đào Quốc Nguyên	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
258	Hồ Khánh Nhân	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
259	Hà Tâm Như	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
260	Chau Chí Phong	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
261	Đặng Huệ Phương	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
262	Vũ Ngọc Bích Phương	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
263	Quách Minh Tân	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
264	Nguyễn Ngọc Minh Thanh	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
265	Hàng Thị Minh Thảo	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
266	Nguyễn Trần Hoàng Thịnh	10A6	180.000	4	4	0	720.000	Học từ T9/23 -> T12/23
267	Trương Chí Toàn	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
268	Nguyễn Quang Trung	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
269	Huỳnh Thái Vinh	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
270	Nguyễn Anh Vũ	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
271	Huỳnh Nguyễn Khánh Vy	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
272	Phạm Nguyễn Tường Vy	10A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
273	Hoàng Ngọc Ánh	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
274	Lê Hồng Ánh	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
275	Huỳnh Trung Gia Bảo	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
276	Châu Quốc Bình	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
277	Nguyễn Thanh Duy	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
278	Đỗ Trần Thùy Dương	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
279	Huỳnh Mẫn Đạt	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
280	Lê Đức Hiếu	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
281	Đỗ Gia Huy	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
282	Nguyễn Gia Khải	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
283	Lê Phương Tuệ Khanh	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
284	Trần Thanh Khoa	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
285	Nguyễn Minh Khôi	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
286	Tạ Đăng Khôi	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
287	Lê Trần Phước Lập	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
288	Lưu Gia Mẫn	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
289	Nguyễn Khuê Minh	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
290	Phan Hải My	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
291	Đặng Thùy Ngân	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
292	Nguyễn Võ Kim Ngân	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
293	Nguyễn Bảo Ngọc	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
294	Triệu Gia Nhi	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
295	Võ Thị Ngọc Nhi	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
296	Huỳnh Như	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
297	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
298	Nguyễn Hoàng Phi	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
299	Phan Gia Phú	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
300	Phạm Lê Hoàng Phúc	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
301	Trương Kiến Phúc	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
302	Trần Hữu Phước	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
303	Đặng Lê Quang	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
304	Hồ Khánh Tài	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
305	Võ Đức Kim Thành	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
306	Nguyễn Thành Thuận	10A7	180.000	2	2	0	360.000	Học từ T9/23 -> T10/23
307	Dương Hoàng Mai Thy	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
308	Nguyễn Bá Toàn	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
309	Trần Ngọc Bảo Trân	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
310	Trần Nguyễn Đức Trí	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
311	Trần Thị Thanh Trúc	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
312	Nguyễn Sơn Tú	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
313	Nguyễn Trần Tuấn Tú	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
314	Lâm Dũ Tùng	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
315	Nguyễn Phương Uyên	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
316	Mai Phú Vinh	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
317	Nguyễn Khánh Vy	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
318	Vũ Ngọc Hải Yến	10A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
319	Nguyễn Trường An	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
320	Võ Thị Kim An	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
321	Trần Phạm Nghi Anh	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
322	Hồ Bảo Chung	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
323	Sái Nguyễn Kim Dung	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
324	Tô Minh Duy	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
325	Trần Thạch Đồng	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
326	Nguyễn Văn Hiếu	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
327	Nguyễn Quốc Huy	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
328	Nguyễn Tấn Hưng	10A8	180.000	5	4	1	900.000	Học từ T9/23 -> T01/24
329	Phạm Minh Hương	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
330	Võ Học Hữu	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
331	Trần Nguyên Khang	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
332	Đinh Nguyễn Anh Khoa	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
333	Khuru Nguyễn Khôi	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
334	Bùi Nguyễn Anh Kiên	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
335	Nguyễn Lê Hoàng Kim	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
336	Trương Kha Cát Lan	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
337	Huỳnh Trần Ngọc Long	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
338	Nguyễn Đình Bảo Long	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
339	Phạm Khắc Minh	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
340	Trương Phạm Công Minh	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
341	Nguyễn Trần Bảo Nghi	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
342	Nguyễn Bảo Ngọc	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
343	Trần Thanh Bảo Ngọc	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
344	Lê Yến Nhi	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
345	Trần Bảo Nhi	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
346	Trương Gia Po	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
347	Lại Hoàng Quân	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
348	Lâm Thái Hiệp Quân	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
349	Nguyễn Minh Quân	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
350	Trần Thúy Quỳnh	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
351	Lý Quốc Thắng	10A8	180.000	4	4	0	720.000	Học từ T9/23 -> T12/23
352	Phan Phước Thịnh	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
353	Phạm Lâm Hữu Thọ	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
354	Trần Thị Kim Thu	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
355	Nguyễn Phạm Quỳnh Thy	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
356	Trịnh Trần Quỳnh Trâm	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I x2</i>	<i>7</i>
357	Trần Minh Trí	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
358	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
359	Lương Phước Vinh	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
360	Nguyễn Phương Thảo Vy	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
361	Tăng Ngọc Vy	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
362	Trần Nguyễn Thúy Vy	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
363	Nguyễn Tuấn Vỹ	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
364	Dương Thời Ý	10A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
365	Kha Nguyễn Mỹ An	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
366	Lê Đỗ Khánh An	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
367	Nguyễn Quốc An	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
368	Nguyễn Thanh An	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
369	Nguyễn Dương Hoàng Anh	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
370	Võ Minh Anh	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
371	Nguyễn Xuân Bách	10A9	180.000	7	4	3	1.260.000	Học từ T9/23 -> T03/24
372	Nguyễn Ngọc Kim Cương	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
373	Phạm Thị Kim Cương	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
374	Nguyễn Nhất Duy	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
375	Nguyễn Trần Khánh Hà	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
376	Đoàn Ngọc Hiền	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
377	Phạm Huy Hoàng	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
378	Diệp Gia Huy	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
379	Dương Gia Huy	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
380	Lê Nguyễn Gia Hưng	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
381	Nguyễn Thành Hưng	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
382	Lâm Long Khang	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
383	Nguyễn Khoa Bảo Khang	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
384	Trần Gia Khánh	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
385	Nguyễn Long	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
386	Trần Hoàng Thiên Lộc	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
387	Nguyễn Minh Luân	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
388	Nguyễn Ngọc Toàn Mỹ	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
389	Trương Kim Ngọc	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
390	Lê Thành Nhân	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
391	Dương Ngọc Nhi	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
392	Nguyễn Ngọc Thanh Nhi	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
393	Tăng Khiết Nhiên	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
394	Dương Cẩm Phong	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
395	Trần Bá Hải Phong	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
396	Vưu Quốc Quang	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
397	Trần Hoàng Minh Quân	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
398	Liêu Bảo San	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
399	Nguyễn Hồng Tâm	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
400	Phạm Minh Thư	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
401	Nguyễn Trần Hữu Trọng	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
402	Ngô Tiến Trung	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
403	Bùi Thân Minh Tú	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
404	Trần Thanh Tùng	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
405	Lê Ý Vân	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
406	Trần Quang Vinh	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
407	La Ngọc Thanh Vy	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
408	Trần Hoàng Trúc Vy	10A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
409	Phạm Duy An	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
410	Phạm Khánh An	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
411	Nguyễn Lê Duy Ân	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
412	Nguyễn Vĩnh Di	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
413	Nguyễn Hạnh Doanh	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
414	Huỳnh Ái Đình	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
415	Nguyễn Trịnh Gia Đức	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
416	Nguyễn Hoàn Tính Hào	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
417	Trần Bội Hân	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
418	Lê Tấn Hòa	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
419	Lâm Gia Huệ	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
420	Võ Nhật Huy	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
421	Trần Mạnh Hưng	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
422	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
423	Lý Hoàng Khang	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
424	Nguyễn Hoàng Đan Khanh	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
425	Dương Quốc Khánh	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
426	Tăng Lâm Bảo Khánh	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
427	Lê Nguyễn Minh Kiệt	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
428	Khẩu Nguyễn Hoàng Kim	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
429	Nguyễn Trần Bảo Long	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
430	Phan Kim Xuân Mai	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
431	Nguyễn Tường Quang Minh	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
432	Lâm Thượng Nga	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
433	Đặng Bích Ngân	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
434	Tô Tú Ngọc	10A10	180.000	3	3	0	540.000	Học từ T9/23 -> T11/23
435	Lê Hữu Tường Nguyên	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
436	Lê Nguyễn Ánh Nguyên	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
437	Hà Tuyết Nhi	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
438	Nguyễn Trần Hiếu Nhi	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
439	Phạm Ngọc Tâm Như	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
440	Phan Dzur Bảo Như	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
441	Lê Văn Phúc	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
442	Nguyễn Hoàng Phúc	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
443	Nguyễn Ngô Phú Quý	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
444	Chung Võ Thiện Thanh	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
445	Trần Nguyên Gia Thành	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
446	Phan Văn Thắng	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
447	Nguyễn Hoàng Hạo Thiên	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
448	Nguyễn Minh Thông	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
449	Kim Huỳnh Thuận	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
450	Nguyễn Thanh Trúc	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
451	Phan Khánh Trường	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
452	Trần Nguyễn Ngọc Uyên	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
453	Lê Thanh Vân	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
454	Đỗ Hồng Phương Vy	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
455	Lê Phạm Phương Vy	10A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
456	Bàng Đặng Lan Anh	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
457	Nguyễn Hoàng Anh	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
458	Phan Quỳnh Anh	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
459	Diệp Mỹ Bối	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
460	Nguyễn Văn Chương	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
461	Nguyễn Mạnh Cường	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
462	Nguyễn Thanh Duy	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
463	Võ Thành Đạt	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
464	Phạm Minh Đăng	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
465	Nguyễn Minh Đức	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
466	Trương Minh Hào	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
467	Huỳnh Gia Hân	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
468	Phạm Minh Hùng	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
469	Nguyễn Phúc Khang	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
470	Nguyễn Sơn Đăng Khoa	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
471	Châu Gia Khương	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
472	Phạm Tuấn Kiệt	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
473	La Hồ Yến Linh	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
474	Phan Thanh Yến Linh	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
475	Diệp Chấn Long	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
476	Huỳnh Minh Long	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
477	Lý Hưng Long	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
478	Nguyễn Châu Kỳ Long	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
479	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
480	Đỗ Thành Nam	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
481	Trần Nguyễn Hoài Nam	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
482	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
483	Võ Kim Ngân	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
484	Nguyễn Hoàng Bảo Nghi	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
485	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
486	Vương Cẩm Nhi	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
487	Chu Minh Quỳnh Như	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
488	Nguyễn Văn Phát	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
489	Nguyễn Hoàng Phúc	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
490	Lê Đào Nguyên Phương	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
491	Vũ Ái Phương	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
492	Châu Nhật Quang	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
493	Nguyễn Vinh Quang	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
494	Nguyễn Ngọc Vân Quỳnh	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
495	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
496	Hồ Ngọc Tú Sương	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
497	Trương Hưng Thịnh	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
498	Đào Lê Anh Thy	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
499	Lê Trọng Tiến	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
500	Nguyễn Hoài Thảo Vy	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
501	Trần Mỹ Xuân	10A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
502	Trịnh Khánh Phúc An	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
503	Lưu Hoàng Quỳnh Anh	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
504	Nguyễn Thị Trâm Anh	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
505	Phạm Huy Đức Anh	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
506	Dương Thị Ngọc Ánh	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
507	Huỳnh Thành Công	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
508	Nguyễn Ngọc Mỹ Dung	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
509	Võ Thùy Dương	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
510	Ngô Huỳnh Ngọc Hà	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
511	Vương Cẩm Hà	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
512	Lý Gia Hân	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
513	Bùi Nguyễn Quốc Huy	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
514	Nguyễn Gia Huy	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
515	Trịnh Bảo Hưng	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
516	Dương Mỹ Khánh	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I x2	7
517	Đinh Hoàng Khiết	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
518	Võ Tấn Khoa	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
519	Châu Đức Linh	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
520	Trần Nguyễn Gia Linh	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
521	Trương Thạch Lợi	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
522	Lư Nguyễn Gia Minh	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
523	Nguyễn Kim Thảo My	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
524	Nguyễn Hoàng Mỹ	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
525	Lê Trương Kim Ngân	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
526	Nguyễn Hoàng Khánh Ngân	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
527	Trần Thị Kim Ngân	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
528	Nguyễn Phương Nghi	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
529	Dương Trần Ngọc Nhi	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
530	Nguyễn Trần Khánh Như	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
531	Huỳnh Tấn Phát	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
532	Nguyễn Hoàng Kim Phát	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
533	Phùng Hoàng Phát	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
534	Diệp Lý Ngọc Quyên	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
535	Nguyễn Tấn Sĩ	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
536	Dương Kim Thảo	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
537	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
538	Lương Ngọc Minh Thư	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
539	Lê Ngọc Khánh Trân	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
540	Nguyễn Hồng Bảo Trân	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
541	Bùi Thị Thanh Trúc	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
542	Nguyễn Trương Ngọc Trúc	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
543	Nguyễn Ngọc Bảo Tuệ	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
544	Trần Hoàng Yến Vy	10A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
545	Phan Bình An	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
546	Trần Minh Anh	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
547	Nguyễn Ngọc Quý Chi	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
548	Trương Mỹ Doanh	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
549	Nguyễn Thị Thùy Duyên	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
550	Phạm Linh Đan	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
551	Vũ Thế Đan	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
552	Nguyễn Vinh Đạt	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
553	Trần Tiến Đạt	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
554	Nguyễn Bá Châu Giang	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
555	Quách Mỹ Hào	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
556	Đặng Ngọc Gia Hân	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
557	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
558	Vương Phạm Trí Khanh	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
559	Lê Đăng Khoa	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
560	Trần Nguyễn Thiên Kim	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
561	Tăng Vĩ Kỳ	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
562	Đình Trần Thanh Lam	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
563	Lương Gia Linh	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
564	Trần Nguyễn Thảo Ly	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
565	Nguyễn Bùi Thị Tuyết Mai	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
566	Nguyễn Hoàng Ánh Mai	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
567	Nguyễn Lê Bảo Nghi	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
568	Nguyễn Minh Phương Nghi	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
569	Đoàn Lê Yến Ngọc	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
570	Hồ Lê Thanh Nhân	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
571	Trúc Nhân	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
572	Nguyễn Hà Bảo Nhi	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
573	Ngô Hoàng Huy Phong	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
574	Lê Huỳnh Lan Phương	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
575	Võ Thái Quyên	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
576	Trần Thùy Sang	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
577	Trần Mỹ Thanh	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
578	Ong Vĩ Thành	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
579	Nguyễn Phan Hùng Thịnh	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
580	Huỳnh Ngọc Anh Thư	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
581	Trần Thị Mỹ Trang	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
582	Lê Huỳnh Bảo Trâm	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
583	Lê Ngọc Bảo Trân	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
584	Lại Hồng Phương Trinh	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
585	Bùi Vạn Tỷ	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
586	Đỗ Lương Vĩ	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
587	Trương Ngọc Hân Vy	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
588	Trương Bảo Yến	10A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
589	Dương Trần Khánh An	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
590	Lê Ngọc Bình An	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
591	Phan Huỳnh Minh Anh	10A14	180.000	2	2	0	360.000	Học từ T9/23 -> T10/23
592	Võ Huỳnh Mỹ Anh	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
593	Quách Huân Bảo	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
594	Trần Gia Bội	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
595	Phạm Ngô Bảo Châu	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
596	Trần Thúy Diễm	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
597	Nguyễn Tiến Dũng	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
598	Nguyễn Thị Dur	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
599	Chung Gia Cẩm Đông	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
600	Phùng Ngọc Thanh Hà	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
601	Nguyễn Tuấn Hải	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
602	Mã Ngọc Hân	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
603	Kim Nhật Huy	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
604	Lý Tuấn Huy	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
605	Lưu Tuấn Khang	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
606	Lê Diệp Gia Kim	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
607	Trần Đức Lộc	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
608	Trà Minh Luân	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
609	Nguyễn Duy Minh	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
610	Kha Gia Mỹ	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
611	Nguyễn Hải Nam	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
612	Nguyễn Thị Kim Ngân	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
613	Phạm Ngọc Thanh Ngân	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
614	Lê Học Vũ Nghi	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
615	Lưu Minh Nghĩa	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
616	Nguyễn Song Bảo Ngọc	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
617	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
618	Lê Uyên Nhi	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
619	Trần Mỹ Nhi	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
620	Ngô Bội Nhung	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
621	Huỳnh Gia Như	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
622	Liên Yêm Phương	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
623	Nguyễn Đình Minh Quân	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
624	Hà Quang Thái	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
625	Ngô Hoàng Chí Thành	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
626	Nguyễn Hoàng Anh Thư	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
627	Phùng Nhã Thy	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
628	Nguyễn Thị Yến Trang	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
629	Lê Lâm Bảo Trâm	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
630	Đặng Thị Quế Trân	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
631	Huỳnh Dương Gia Uyên	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
632	Triệu Khai Vân	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
633	Lê Kim Yến	10A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
634	Châu Mỹ An	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
635	Đường Tuấn Anh	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
636	Vương Vân Anh	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
637	Võ Quỳnh Chi	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
638	Quách Chấn Dũng	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
639	Trần Gia Bảo Duy	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
640	Võ Thành Đạt	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
641	Phạm Minh Đăng	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
642	Nguyễn Hoàng Anh Đông	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
643	Đinh Gia Huy	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
644	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
645	Lý Mỹ Linh	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
646	Phạm Nguyễn Ngọc Mai	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
647	Lê Bảo Minh	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
648	Lê Nhất Minh	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
649	Huỳnh Thục My	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
650	Từ Gia Mỹ	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
651	Nguyễn Kim Ngân	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
652	Nguyễn Phan Ánh Ngân	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
653	Trần Kim Ngân	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
654	Trần Cổ Bảo Ngọc	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
655	Nguyễn Võ Thảo Nguyên	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
656	Trần Ngọc Trí Nguyễn	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
657	Lê Thiện Phát	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
658	Quách Hoàng Phúc	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
659	Đặng Minh Quang	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
660	Nguyễn Ngọc Quế	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
661	Nguyễn Vũ Bảo Quyên	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
662	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
663	Châu Đại Thành	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
664	Trần Phương Thảo	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
665	Nguyễn Hoàng Thắng	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
666	Lê Gia Thịnh	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
667	Huỳnh Ngọc Anh Thư	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
668	Lê Thị Thanh Thư	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
669	Trần Nguyễn Minh Thư	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
670	Huỳnh Ngọc Trúc	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
671	Võ Trương Ngọc Tuyền	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
672	Nguyễn Thị Kim Tuyết	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
673	Nguyễn Ngọc Yến Vy	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
674	Nguyễn Trần Tuyết Vy	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
675	Trần Hữu Thanh Vy	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
676	Trần Nguyễn Lam Vy	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I x2</i>	<i>7</i>
677	Trần Nhật Vy	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
678	Lê Cao Như Ý	10A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
679	Huỳnh Thu An	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
680	Lê Kim Anh	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
681	Phạm Quỳnh Anh	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
682	Trần Ngọc Kim Anh	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
683	Dương Vũ Ngọc Châu	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
684	Tô Nguyễn Khương Duy	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
685	Lê Linh Đan	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
686	Huỳnh Quang Đạt	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
687	Phan Nguyễn Hoàng Đạt	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
688	Trần Huỳnh Hải Đăng	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
689	Thích Diệu Đồng	10A16	180.000	3	3	0	540.000	Học từ T9/23 -> T11/23
690	Mai Triển Hào	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
691	Huỳnh Khả Hân	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
692	Huỳnh Bình Hiệp	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
693	Cao Chấn Hưng	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
694	Phạm Nguyệt Kha	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
695	Hoàng Đăng Khang	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
696	Trương Hùng Kiệt	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
697	Huỳnh Chương Mỹ Kim	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
698	Trần Việt Long	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
699	Trần Thị Ngọc Minh	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
700	Lâu Yến My	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
701	Nguyễn Thanh Huyền My	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
702	Nguyễn Thanh Thảo My	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
703	Phạm Ngọc Khả My	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
704	Phạm Ngọc Thanh Ngân	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
705	Mai Ngọc Yến Nghi	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
706	Hà Trí Nhân	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
707	Huỳnh Ngọc Nhi	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
708	Trịnh Yến Nhi	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
709	Phan Ngọc Tú Như	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
710	Nguyễn Trương Thanh Phúc	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
711	Nguyễn Ngọc Minh Phương	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
712	Lê Phúc Thạch	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
713	Võ Ngọc Kim Thanh	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
714	Nguyễn Ngọc Thành	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
715	Hsu Chiao Thing	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
716	Trương Mỹ Tiên	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
717	Nguyễn Thị Song Trà	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
718	Nông Ngọc Quỳnh Trâm	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
719	Đỗ Minh Tuấn	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
720	Đỗ Nguyễn Phương Vy	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
721	Nguyễn Hoàng Lê Vy	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
722	Trương Thảo Vy	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
723	Trương Trần Tường Vy	10A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
724	Trần Thúy An	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
725	Bùi Tuyết Anh	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
726	Hà Ngọc Bảo Anh	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
727	Võ Trịnh Hồng Anh	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
728	Ứng Gia Bảo	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
729	Từ Vĩ Cẩm	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
730	Hồ Ngọc Châu	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
731	Lưu Minh Châu	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
732	Nguyễn Ngọc Anh Chi	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
733	Nguyễn Thanh Duyên	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
734	Hà Hoàng Đàm	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
735	Phạm Đại Đồng	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
736	Huỳnh Gia Đức	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
737	Nguyễn Thị Gia Hân	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
738	Lưu Gia Huy	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
739	Huỳnh Văn Hưng	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
740	Nguyễn Huỳnh Phúc Khang	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
741	Nguyễn Yến Khoa	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
742	Tạ Tương Đăng Khoa	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
743	Nguyễn Bá Kiệt	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
744	Vương Ý Linh	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
745	Trần Bình Minh	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
746	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
747	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
748	Nguyễn Lê Gia Nghi	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
749	Dương Bảo Ngọc	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
750	Hoàng Gia Ngọc	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
751	Nguyễn Thảo Nguyên	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
752	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
753	Trần Đoàn Như Quỳnh	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
754	Doãn Thị Thanh Thúy	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
755	Đỗ Nguyễn Bảo Thư	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
756	Lữ Trúc Thư	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I x2	7
757	Phạm Ngọc Thiên Thu	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
758	Đào Diễm Thy	10A17	180.000	3	3	0	540.000	Học từ T9/23 -> T11/23
759	Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
760	Trần Võ Thị Thủy Tiên	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
761	Lê Thị Thùy Trang	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
762	Lê Thị Quế Trân	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
763	Đỗ Nguyễn Thanh Trúc	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
764	Phan Ngọc Cát Tường	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
765	Lại Ngọc Tường Vy	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
766	Tất Ngọc Vy	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
767	Trần Như Ý	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
768	Dương Mỹ Yến	10A17	180.000	9	4	5	1.620.000	
769	Cao Nguyễn Trâm Anh	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
770	Nguyễn Vũ Quốc Anh	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
771	Phan Nguyên Gia Bảo	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
772	Trương Nhật Cương	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
773	Lê Nguyễn Hoàng Dũng	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
774	Lý Gia Hân	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
775	Nguyễn Phạm Gia Hân	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
776	Trần Gia Hân	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
777	Triệu Minh Hưng	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
778	Đặng Bảo Khang	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
779	Từ Mai Khanh	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
780	Đặng Thế Kiệt	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
781	Đỗ Nguyễn Thiên Kim	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
782	Hứa Nhã Kỳ	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
783	Nguyễn Duy Phương Lam	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
784	Nguyễn Phạm Trúc Lam	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
785	Nguyễn Thị Ánh Linh	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
786	Tạ Hiếu Lợi	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
787	Nguyễn Thị Xuân Mai	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
788	Nguyễn Trần Ánh Minh	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
789	Hồ Thiên Nga	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
790	Lê Hoàng Bảo Nghi	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
791	Lý Mẫn Nghi	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
792	Thái Gia Bảo Ngọc	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
793	Lê Huỳnh Hồng Nguyên	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
794	Trần Ngọc Nhi	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
795	Nguyễn Trọng Phát	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
796	Nguyễn Quốc Phong	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
797	Ngô Quang Phúc	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
798	Trần Thành Phúc	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
799	Nguyễn Anh Quân	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
800	Trần Trọng Quý	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
801	Nguyễn Ngọc Yến Sang	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
802	Lê Minh Thành	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
803	Nguyễn Minh Thơ	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
804	Huỳnh Trần Minh Thư	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
805	Nguyễn Bùi Anh Thư	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
806	Lương Minh Tiến	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
807	Trương Bảo Toàn	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
808	Trương Ngọc Phương Trâm	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
809	Đào Nguyễn Bảo Trân	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
810	Trần Quốc Tuấn	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
811	Tiên Thị Bích Tuyền	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
812	Huỳnh Bích Vy	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
813	Nguyễn Bảo Trúc Vy	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
814	Huỳnh Phương Yên	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
815	Trần Thanh Thủy	10A18	180.000	9	4	5	1.620.000	
816	Nguyễn Nhật Phương Anh	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
817	Lê Hoàng Gia Bảo	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
818	Nguyễn Xuân Cát	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
819	Nguyễn Thị Bảo Châu	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
820	Trần Thành Danh	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
821	Phạm Tiến Dũng	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
822	Nguyễn Anh Đô	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
823	Nguyễn Trí Hùng	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
824	Đinh Quốc Huy	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
825	Nguyễn Gia Huy	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
826	Trần Ngọc Gia Huy	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
827	Huỳnh Phúc Khang	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
828	Huỳnh Gia Khiêm	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
829	Huỳnh Đăng Khôi	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
830	Hồng Nhơn Kiệt	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
831	Nguyễn Mai Thanh Lâm	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
832	Nguyễn Khánh Long	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
833	Ngô Duy Lộc	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
834	Lưu Gia Lương	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
835	Dương Hoàng Mỹ	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
836	Nguyễn Xuân Phương Nam	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I x2	7
837	Phạm Đình Vĩ Nghi	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
838	Nguyễn Minh Nghĩa	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
839	Trần Mỹ Ngọc	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
840	Võ Thị Thảo Nhi	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
841	Châu Trần Minh Phát	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
842	Nguyễn Tấn Phát	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
843	Đặng Hoài Phong	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
844	Bùi Đăng Hoàng Phúc	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
845	Nguyễn Cao Anh Quân	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
846	Nguyễn Thái Quỳnh	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
847	Lê Thành Tài	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
848	Nguyễn Hoàn Thành	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
849	Nguyễn Hữu Thiện	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
850	Đoàn Nguyễn Anh Thư	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
851	Trần Đức Tiến	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
852	Nguyễn Dương Yến Trang	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
853	Hà Quốc Trung	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
854	Sơn Anh Tú	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
855	Trịnh Đức Tuấn	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
856	Vy Gia Vinh	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
857	Nguyễn Phương Vy	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
858	Trương Ngọc Như Ý	11A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
859	Trần Thảo Anh	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
860	Trương Gia Bảo	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
861	Nguyễn Thị Minh Châu	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
862	Lê Hùng Cường	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
863	Phan Thanh Dân	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
864	Nguyễn Tuấn Đạt	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
865	Trương Bửu Điền	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
866	Võ Thị Thúy Hà	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
867	Âu Ngọc Hân	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
868	Dương Quang Huy	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
869	Hoàng Minh Huy	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
870	Nguyễn Gia Huy	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
871	Trương Gia Huy	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
872	Nguyễn Chấn Khang	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
873	Lê Nguyễn Đăng Khoa	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
874	Trần Hoàng Tuấn Kiệt	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
875	Hồ Anh Lạc	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
876	Nguyễn Thanh Lâm	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
877	Trương Đình Long	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
878	Nguyễn Trường Lộc	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
879	Quách Ngọc Mẫn	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
880	Nguyễn Hạo Nam	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
881	Nguyễn Bảo Ngân	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
882	Lê Trọng Nghĩa	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
883	Nguyễn Hoàng Minh Ngọc	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
884	Nguyễn Kim Nguyên	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
885	Phạm Thành Nhân	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
886	Nguyễn Phước Huyền Như	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
887	Nguyễn Hưng Phát	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
888	Trần Huy Phát	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
889	Giang Văn Phong	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
890	Hà Trần Quý	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
891	Trần Tuyết Quỳnh	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
892	Thới Thanh Tây	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
893	Nguyễn Quốc Thanh	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
894	Trương Hữu Thành	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
895	Lý Hữu Thịnh	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
896	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
897	Trần Trí Tín	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
898	Bùi Minh Trí	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
899	Phan Thanh Triều	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
900	Dương Chánh Trực	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
901	Lê Thanh Tuấn	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
902	Lê Thị Yến Vy	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
903	Vũ Tường Vy	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
904	Nguyễn Phan Hoàng Yến	11A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
905	Đàm Tuyết Ân	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
906	Phan Thiệu Băng	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
907	Đặng Như Ngọc Châu	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
908	Phạm Thành Danh	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
909	Nguyễn Minh Dũng	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
910	Trần Chí Đạt	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
911	Lê Quốc Đoan	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
912	Trần Gia Hạnh	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
913	Trần Thị Ngọc Hân	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
914	Đình Hoàng Minh Huy	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
915	Huỳnh Đặng Minh Huy	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
916	Nguyễn Gia Huy	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
917	Nguyễn Tấn Hưng	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
918	Nguyễn Minh Khang	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
919	Trần Đăng Khoa	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
920	Trần Xương Kiệt	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
921	Nguyễn Thanh Lam	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
922	Nguyễn Diệu Linh	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
923	Đỗ Văn Lộc	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
924	Trịnh Phước Lợi	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
925	Đoàn Lê Phước Minh	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
926	Nguyễn Thành Nam	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
927	Võ Hồ Ánh Ngân	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
928	Ngô Trọng Nghĩa	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
929	Phạm Huỳnh Tú Ngọc	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
930	Nguyễn Ngọc Phú Nguyên	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
931	Phó Nguyễn Thiên Nhi	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
932	Đỗ Kim Oanh	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
933	Nguyễn Minh Phát	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
934	Trương Tấn Phát	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
935	Tăng Trương Thanh Phong	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
936	Bùi Minh Quang	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
937	Ngô Kiến Quốc	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
938	Tô Hoàng Sang	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
939	Diệp Hải Thành	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
940	Phạm Phước Thiên	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
941	Phạm Duy Thịnh	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
942	Nguyễn Minh Thư	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
943	Phạm Hoàng Tiến	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
944	Đinh Minh Trí	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
945	Nguyễn Phú Trọng	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
946	Nguyễn Hoàng Tú	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
947	Trần Thanh Tuấn	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
948	Huỳnh Thanh Vân	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
949	Nguyễn Đăng Yên Vy	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
950	Đoàn Lâm Triều Vỹ	11A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
951	Nguyễn Thị Kim Anh	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
952	Trần Nguyễn Thy Anh	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
953	Khuông Tuấn Đạt	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
954	Đinh Hương Giang	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
955	Phan Thị Ngọc Giàu	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
956	Lưu Khả Hân	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
957	Nguyễn Thị Phúc Hậu	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
958	Nguyễn Như Hiệp	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
959	Nguyễn Cao Hùng	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
960	Huỳnh Khánh Huy	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
961	Huỳnh Trương Gia Huy	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
962	Nguyễn Quốc Huy	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
963	Lê Hoàng Khoa	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
964	Nguyễn Lê Anh Khôi	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
965	Văn Minh Khôi	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
966	Lâm Hoàng Lộc	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
967	Hoàng Quang Minh	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
968	Nguyễn Hà My	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
969	Phan Hà Uyên My	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
970	Nguyễn Lê Tấn Ngọc	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
971	Đoàn Hoàng Yến Nhi	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
972	Phạm Ngọc Tuyết Nhi	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
973	Lê Tuấn Phát	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
974	Nguyễn Tấn Phát	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
975	Phạm Hùng Thiên Phát	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
976	Trần Hào Phát	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
977	Trần Hào Phước	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
978	Huỳnh Ngọc Tâm Quang	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
979	Lê Đỗ Bảo Quyên	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
980	Huỳnh Tấn Sang	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
981	Trần Phạm Bảo Sơn	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
982	Đoàn Hồng Thanh	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
983	Nguyễn Tấn Thành	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
984	Phan Tấn Thành	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
985	Trương Gia Thành	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
986	Lê Thị Minh Thảo	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
987	Lê Đạt Thiên	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
988	Trần Ngọc Thủy	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
989	Lý Trọng Tín	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
990	Dương Thùy Trang	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
991	Nguyễn Quốc Trí	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
992	Võ Minh Trí	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
993	Lê Thanh Trúc	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
994	Hồ Minh Viễn	11A4	180.000	5	4	1	900.000	Học từ T9/23 -> T01/24
995	Thái Cẩm Vinh	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
996	Lương Trương Như Ý	11A4	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
997	Nguyễn Phan Châu Anh	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
998	Huỳnh Chí Bang	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
999	Liêu Kim Bảo	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1000	Tăng Hựu Thiên Bảo	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1001	Mai Nguyễn Lan Chi	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1002	Cooc Chí Cường	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1003	Bùi Minh Đạt	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1004	Đoàn Thành Đạt	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1005	Hứa Tuấn Kha	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1006	Bùi Hoàng Khang	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1007	Vũ Anh Khôi	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1008	Đặng Trần Bảo Lộc	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1009	Trịnh Huệ Mẫn	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1010	Tổng Ngọc Bình Minh	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1011	Huỳnh Y Ngân	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1012	Nguyễn Huy Sương Nghi	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1013	Nguyễn Hồng Ngọc	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1014	Nguyễn Thu Ngọc	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1015	Võ Trần Khánh Ngọc	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1016	Lương Nguyễn	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1017	Nguyễn Đặng Danh Nhân	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1018	Nguyễn Đỗ Cẩm Nhung	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1019	Lê Phạm Quỳnh Như	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1020	Mã Phương Như	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1021	Dương Nguyên Phong	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1022	Trần Bình Phú	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1023	Du Thái Sở Quân	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1024	Bùi Hoàng Sơn	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1025	Nguyễn Thanh Sơn	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1026	Nguyễn Thuận Thanh	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1027	Huỳnh Ngọc Phương Thảo	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1028	Lâm Phúc Thịnh	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1029	Trần Tuấn Thịnh	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1030	Đặng Hiếu Thuận	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1031	Ngô Gia Thuận	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1032	Hồ Ngọc Thanh Thúy	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1033	Nguyễn Châu Anh Thư	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1034	Phan Thị Nhật Thy	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1035	Phạm Thùy Trang	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1036	Vương Ngọc Quỳnh Trang	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1037	Nguyễn Hồng Trí	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1038	Trần Thanh Trúc	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1039	Lưu Cẩm Tú	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1040	Nguyễn Huỳnh Thị Cẩm Tú	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1041	Trương Đặng Nhật Vy	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1042	Đào Ngọc Như Ý	11A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1043	Nguyễn Thị Minh Châu	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1044	Lê Chí Cường	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1045	Sầm Và Cường	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1046	Dương Ngọc Diệu	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1047	Nguyễn Ngọc Thanh Duyên	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1048	Đào Đức Đại	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1049	Trần Minh Đông	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1050	Giang Quốc Hào	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1051	Bùi Ngọc Gia Hân	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1052	Diệp Gia Hân	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1053	Dương Phạm Gia Hân	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1054	Huỳnh Gia Huy	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1055	Lưu Uyên Huy	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1056	Nguyễn Huy	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1057	Phạm Quang Huy	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1058	Văn Gia Huy	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1059	Đỗ Kim Hưng	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1060	Hồ Duy Khánh	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1061	Vòng Ngọc Khánh	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1062	Ngô Phạm Anh Khoa	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1063	Lý Chí Kiệt	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1064	Hà Thư Kỳ	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1065	Lương Gia Kỳ	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1066	Dương Trác Lân	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1067	Tổng Khánh Linh	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1068	Lê Nguyễn Hoàng Long	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1069	Nguyễn Văn Mến	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1070	Trần Nguyễn Bửu Ngọc	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1071	Trần Hồng Nhung	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1072	Liêu Tú Như	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1073	Châu Trần Phong	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1074	Mạc Bảo Phong	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1075	Nguyễn Phan Thanh Phong	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1076	Lê Hồng Phú	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	$5=I \times 2$	7
1077	Nguyễn Đức Phúc	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1078	Nguyễn Quang Phúc	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1079	Phạm Thế Quang	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1080	Trần Thiện Quang	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1081	Trần Đình Duy Tân	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1082	Đặng Tiến Thành	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1083	Nguyễn An Thuyên	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1084	Lý Gia Trúc	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1085	Dương Phương Uyên	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1086	Trần Ngọc Bích Vân	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1087	Nguyễn Ái Vy	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1088	Trần Ngọc Phương Vy	11A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1089	Nguyễn Hà Nam Anh	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1090	Nguyễn Ngọc Tú Anh	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1091	Nguyễn Trương Ngọc Anh	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1092	Phạm Thành Quang Anh	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1093	Nguyễn Ngọc Hoàng Ân	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1094	Trần Kim Bảo	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1095	Hồ Bảo Châu	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1096	Huỳnh Kim Gia	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1097	Lê Đăng Trường Giang	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1098	Nguyễn Ngọc Thu Hà	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1099	Huỳnh Nhật Hào	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1100	Chống Thu Hằng	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1101	Lâm Thị Ngọc Hân	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1102	Phùng Ngọc Bảo Hân	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1103	Trần Lê Vi Hân	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1104	Huỳnh Đỗ Huy Hoàng	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1105	Lê Hoàng	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1106	Lê Thành Nhất Huy	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1107	Nguyễn Gia Huy	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1108	Nguyễn Vũ Hưng	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1109	Thân Trác Hy	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1110	Hồ Thanh Kha	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1111	Nguyễn Minh Khánh	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1112	Trương Khắc Huỳnh Kỳ	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1113	Trần Ngọc Quỳnh Lam	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1114	Tran Mỹ Linh	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1115	Hồ Thị Minh Ngân	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1116	Nguyễn Huỳnh Kiều Ngân	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1117	Nguyễn Thị Kim Ngân	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1118	Phan Huỳnh Kim Ngọc	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1119	Nguyễn Phạm Phương Như	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1120	Văn Nguyễn Huỳnh Phương	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1121	Trịnh Quốc Thái	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1122	Lao Anh Thơ	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1123	Nguyễn Đào Minh Thư	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1124	Trịnh Trọng Tín	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1125	Vũ Khánh Toàn	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1126	Trương Ngọc Bảo Trân	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1127	Nguyễn Thiên Trường	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1128	Lê Quý Tú	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1129	Trần Xuân Vĩnh Tường	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1130	Nguyễn Quang Vinh	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1131	Ông Tuấn Vương	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1132	Nguyễn Ngọc Phương Vy	11A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1133	Đào Duy An	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1134	Bùi Hoàng Anh	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1135	Hứa Gia Bảo	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1136	Nguyễn Cảnh Gia Bảo	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1137	Nguyễn Gia Bảo	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1138	Phạm Nguyễn Nhật Cường	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1139	Thái Trung Diệu	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1140	Văn Gia Đình	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1141	Đỗ Khánh Du	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1142	Lê Thị Mỹ Duyên	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1143	Nguyễn Tiến Đạt	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1144	Nguyễn Thành Đức	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1145	Đỗ Ngọc Gia Huy	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1146	Nguyễn Nhật Gia Huy	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1147	Hồ Quỳnh Hương	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1148	Dương Minh Khang	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1149	Phan Tuấn Kiệt	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1150	Bùi Phạm Trúc Linh	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1151	Dương Mỹ Linh	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1152	Vương Bảo Nghi	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1153	Nguyễn Trọng Nghĩa	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1154	Trần Hoàng Nghĩa	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1155	Đỗ Thảo Nguyên	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1156	Trịnh Thanh Nguyên	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
1157	Trịnh Trí Nhân	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1158	Lê Tâm Như	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1159	Nguyễn Trần Quỳnh Như	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1160	Nguyễn Tiến Phúc	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1161	Nhan Ngọc Phụng	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1162	Vũ Minh Quang	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1163	Âu Ngọc Quân	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1164	Lê Huỳnh Thảo Quyên	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1165	Nguyễn Hoàng Minh Sơn	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1166	Lê Quốc Minh Tâm	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1167	Tăng Thành Tâm	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1168	Trần Đặng Mỹ Tâm	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1169	Hồ Lê Phú Thịnh	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1170	Bùi Minh Thư	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1171	Nguyễn Thị Anh Thư	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1172	Đặng Minh Trí	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1173	Trương Ngọc Trọng	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1174	Lương Ngọc Tuyền	11A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1175	Trần Mỹ Anh	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1176	Peh Yan Chin Anna	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1177	Nguyễn Lý Gia Bảo	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1178	Nguyễn Huỳnh Quế Chi	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1179	Đinh Hoàng Chương	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1180	Nguyễn Hoàng Duy	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1181	Hồ Huỳnh Giang	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1182	Nguyễn Linh Giang	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1183	Vũ Hải Hà	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1184	Hoàng Phương Gia Hân	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1185	Nguyễn Trần Gia Hân	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1186	Lâm Trung Hậu	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1187	Trần Thị Mỹ Hiền	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1188	Huỳnh Tiến Huy	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1189	Liêu Chấn Huy	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1190	Phạm Ngọc Quỳnh Hương	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1191	Nguyễn Hà Thục Khanh	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1192	Đinh Phan Trọng Khoa	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1193	Trương Thuận Khoa	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1194	Vũ Đăng Khoa	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1195	Phạm Xuân Khôi	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1196	Phạm Hà Bảo Linh	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1197	Nguyễn Ngọc Hà My	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1198	Lê Hoàng Nam	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1199	Trần Khả Nghi	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1200	Lê Thị Bảo Ngọc	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1201	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1202	Nguyễn Thị Bích Ngọc	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1203	Phạm Lê Thái Ngọc	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1204	Phí Nguyễn Thảo Nguyên	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1205	Nguyễn Minh Nhân	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1206	Phạm Thị Ái Nhi	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1207	Phan Ngọc Nhi	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1208	Hoàng Tấn Phát	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1209	Nguyễn Tường Phát	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1210	Trần Thành Phát	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1211	Lý Vĩ Quân	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1212	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1213	Dương Nguyễn Phương Thi	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1214	Lê Huỳnh Minh Thư	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1215	Trần Nam Trung	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1216	Nguyễn Ngọc Minh Tú	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1217	Trịnh Hoàng Việt	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1218	Lương Ngọc Thanh Vy	11A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1219	Trần Khánh An	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1220	Huỳnh Anh	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1221	Huỳnh Hùng Hoài Anh	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1222	Chương Thiệu Ân	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1223	Trần Gia Bảo	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1224	Hồ Bảo Châu	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1225	Lầy Ân Doanh	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1226	Phạm Thị Xuân Đào	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1227	Triệu Thành Đạt	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1228	Trình Ngọc Khánh Hà	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1229	Lê Bảo Hân	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1230	Nguyễn Minh Khôi	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1231	Trần Cao Thành Long	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1232	Lê Thị Cẩm Ly	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1233	Nguyễn Xuân Mai	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1234	Ngô Hải My	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1235	Tô Mỹ Nghi	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1236	Đỗ Bảo Ngọc	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I ×2</i>	<i>7</i>
1237	Nguyễn Kim Ngọc	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1238	Đào Minh Nguyệt	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1239	Bùi Lê Tâm Như	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1240	Huỳnh Tấn Phát	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1241	Mai Võ Thành Phú	11A10	180.000	4	4	0	720.000	Học từ T9/23 -> T12/23
1242	Ngô Thanh Phú	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1243	Đinh Như Ngọc Quỳnh	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1244	Trần Nhật Quỳnh	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1245	Võ Ngọc Sáng	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1246	Huỳnh Kim Tâm	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1247	Lưu Kim Thành	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1248	Nguyễn Đức Thịnh	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1249	Lê Tấn Hữu Thọ	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1250	Huỳnh Bảo Thy	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1251	Trần Lê Thùy Trân	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1252	Phan Ngọc Phương Trinh	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1253	Trương Nguyễn Anh Trúc	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1254	Lưu Chấn Tùng	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1255	Ngô Thanh Vân	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1256	Nguyễn Quang Vinh	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1257	Bùi Nguyễn Hạnh Vy	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1258	Hoàng Thanh Vy	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1259	Đỗ Cao Như Ý	11A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1260	Thái Phạm Thiên An	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1261	Trần Mỹ An	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1262	Nguyễn Lê Kim Anh	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1263	Trần Bá	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1264	Nguyễn Quốc Gia Bảo	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1265	Huỳnh Minh Châu	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1266	Ngô Hoàng Bảo Châu	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1267	Nguyễn Cao Kiều Duyên	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1268	Nguyễn Lê Quốc Đạt	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1269	Nguyễn Thị Hải	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1270	Phạm Gia Hân	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1271	Trần Gia Hân	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1272	Nguyễn Đức Huy	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1273	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1274	Võ Hoàng Khang	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1275	Võ Hoàng Mai Khôi	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1276	Phạm Thị Diễm Kiều	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1277	Tô Gia Linh	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1278	Lê Bảo Long	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1279	Đào Thị Lưu Luyến	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1280	Nguyễn Ngọc Trà My	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1281	Giang Thị Xuân Ngân	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1282	Trương Huỳnh Kim Ngọc	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1283	Bành Mẫn Nhi	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1284	Châu Bảo Như	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1285	Trần Bảo Như	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1286	Huỳnh Trương Ngọc Phúc	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1287	Nguyễn Hoàng Phúc	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1288	Phùng Tuyết Phụng	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1289	Nguyễn Minh Quân	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1290	Quách Tùng Quý	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1291	Trần Minh Sang	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1292	Lê Quốc Thịnh	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1293	Nguyễn Lâm Tâm Thư	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1294	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1295	Phan Trần Thu Tiên	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1296	Nguyễn Minh Trang	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1297	Lê Anh Tú	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1298	Lê Minh Tuyết	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1299	Phạm Lan Thanh Vân	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1300	Hoàng Nguyễn Bảo Vy	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1301	Huỳnh Nguyễn Bảo Vy	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1302	Trịnh Phương Vy	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1303	Phạm Ngọc Yến	11A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1304	Nguyễn Hoàng Kim Anh	11A12	180.000	1	1	0	180.000	Học từ T9/23 -> T9/23
1305	Châu Hoàng Thiên Ân	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1306	Cao Lê Gia Bảo	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1307	Huỳnh Lê Quốc Bảo	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1308	Tô Hoàng Bửu	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1309	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1310	Triệu Mỹ Dung	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1311	Phạm Ngọc Mỹ Duyên	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1312	Trần Quang Đức	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1313	Đỗ Phương Hào	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1314	Khuru Gia Hân	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1315	Huỳnh Lê Gia Huy	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1316	Từ Quốc Huy	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1317	Phùng Chí Hy	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1318	Lương Tuấn Khang	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1319	Nguyễn Tuấn Khang	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1320	Nguyễn Thị Ánh Linh	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1321	Trần Nguyệt Loan	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1322	Nguyễn Phi Long	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1323	Nguyễn Xuân Mai	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1324	Nguyễn Ái Mỹ	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1325	Võ Trung Nghĩa	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1326	Huỳnh Thị Bích Ngọc	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1327	Nguyễn Thanh Ngọc	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1328	Trương Thị Kim Nhung	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1329	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1330	Cao Minh Phúc	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1331	Đặng Bình Phúc	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1332	Nguyễn Thanh Phúc	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1333	Phan Phương Phương	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1334	Phạm Lê Anh Quang	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1335	Đặng Hoàng Quân	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1336	Ngô Đức Tài	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1337	Bùi Tiến Thành	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1338	Nguyễn Phước Thành	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1339	Trần Anh Thư	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1340	La Bùi Như Thy	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1341	Nguyễn Minh Thy	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1342	Thái Minh Toàn	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1343	Trần Tú Trang	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1344	Phan Hải Triều	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1345	Nguyễn Tín Minh Tú	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1346	Đặng Huệ Vân	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1347	Nguyễn Phan Tường Vy	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1348	Trần Khánh Vy	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1349	Hồ Lâm Thiện Vỹ	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1350	Ngô Xuân YẾN	11A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
1351	Nguyễn Hoàng Phương Anh	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1352	Trần Huỳnh Vân Anh	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1353	Võ Huỳnh Anh	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1354	Trần Phát Đạt	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1355	Hồ Lê Gia Hân	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1356	Nguyễn Ngọc Hân	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1357	Huỳnh La Gia Huy	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1358	Đỗ Diệu Huyền	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1359	Đỗ Tuấn Khánh	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1360	Hồ Huỳnh Thiên Kiều	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1361	Âu Thiếu Long	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1362	Đàm Hào Luân	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1363	Huỳnh Kim Ngân	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1364	Phạm Kim Ngân	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1365	Ôn Anh Thúy Ngọc	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1366	Vi Thị Khánh Ngọc	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1367	Nguyễn Hồng Nhi	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1368	Lý Huỳnh Yến Nhung	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1369	Lâm Tâm Như	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1370	Phạm Huỳnh Như	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1371	Vương Lê Quỳnh Như	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1372	Nguyễn Tấn Phát	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1373	Trương Vạn Phúc	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1374	Vương Đại Phúc	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1375	Phạm Thành Tài	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1376	Phan Trí Tài	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1377	Lâm Nguyễn Ngọc Như Tâm	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1378	Trịnh Thành Thái	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1379	La Nguyễn Minh Thảo	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1380	Phạm Thị Thu Thảo	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1381	Lý Thiên Thiên	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1382	Nguyễn Minh Thiện	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1383	Huỳnh Ngọc Anh Thư	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1384	Trần Lê Ngọc Anh Thư	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1385	Nguyễn Trung Tín	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1386	Nguyễn Mạnh Toàn	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1387	Đặng Trần Quỳnh Trâm	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1388	Nguyễn Hữu Trí	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1389	Võ Phước Trí	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1390	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1391	Lê Thanh Vy	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1392	Từ Thúy Vy	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1393	Văn Thị Thúy Vy	11A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
1394	Cao Thị Vân Anh	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1395	Trần Lệ Bội	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1396	Lý Phú Cường	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1397	Phạm Minh Đạt	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1398	Trần Nhật Đoan	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1399	Nguyễn Lâm Anh Đức	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1400	Nhan Tuấn Hào	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1401	Âu Dương Nhu Hiếu	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1402	Bùi Bích Hồng	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1403	Trần Nguyễn Gia Huy	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1404	Trần Phương Linh	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1405	Trần Thị Gia Linh	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1406	Vưu Ngọc Linh	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1407	Nguyễn Lâm Kiều My	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1408	Nguyễn Thanh Mỹ	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1409	Trần Ngọc Ngân	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1410	Lâu Nhân Nghĩa	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1411	Trương Thụy Mỹ Ngọc	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1412	Trương Lê Thái Nguyên	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1413	Trương Thúy Nguyệt	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1414	Nguyễn Thái Quỳnh Như	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1415	Võ Huệ Như	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1416	Trần Hoàng Oanh	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1417	Lâm Gia Phát	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1418	Nguyễn Đình Phong	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1419	Nguyễn Hoàng Thanh Phong	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1420	Trần Chí Phong	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1421	Nguyễn Phạm Thành Quốc	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1422	Phùng Cao Quý	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1423	Nguyễn Lê Tú Quỳnh	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1424	Nguyễn Tấn Tài	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1425	Nguyễn Nhật Thanh	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1426	Lê Phương Thảo	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1427	Nguyễn Minh Thư	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1428	Phạm Ngọc Minh Thư	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1429	Đỗ Hoàng Thy	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1430	Tất Thạch Kim Thy	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1431	Ông Cẩm Tiến	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1432	Đỗ Ái Trâm	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1433	Trương Ngọc Trí	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1434	Nguyễn Hà Kim Trinh	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1435	Nguyễn Hoàng Kim Tú	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1436	Cheng Vũ Văn	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1437	Nguyễn Lập Chí VT	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1438	Chu Tuấn Vinh	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1439	Phan Quang Vinh	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1440	Đặng Nhật Vy	11A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
1441	Bảo Thái An An	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1442	Lê Hoàng Minh Anh	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1443	Nguyễn Minh Anh	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1444	Nguyễn Hoài Ân	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1445	Triệu Trí Bảo	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1446	Đỗ Thị Thanh Châu	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1447	Nguyễn Ngọc Quế Chi	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1448	Lâm Huệ Dinh	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1449	Ngô Thị Mỹ Duyên	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1450	An Huy Hoàng	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1451	Tất Tuấn Kiệt	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1452	Biện Thị Nhã Linh	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1453	Trần Mẫn Linh	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1454	Đoàn Lê Thảo Ly	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1455	Hà Phụng Mai	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1456	Trần Lê Thảo My	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1457	Phạm Hoàng Kim Ngân	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1458	Trần Kim Ngân	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1459	Lương Yến Ngọc	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1460	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1461	Tăng Hoàng Nguyên	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1462	Nguyễn Hoàng Nhật	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1463	Thiệu Kim Nhung	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1464	Nguyễn Huỳnh Phúc Như	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1465	Hoàng Mỹ Phụng	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1466	Nguyễn Hoàng Ngân Phương	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1467	Nguyễn Lê Nhật Quang	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1468	Phạm Trúc Quỳnh	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1469	Đỗ Minh Tài	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1470	Nguyễn Thành Tài	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1471	Tăng Nhật Tân	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1472	Nguyễn Phúc Thành	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1473	Lê Vy Thảo	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1474	Nguyễn Lê Phương Thảo	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1475	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1476	Trương Quang Thắng	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1477	Trần Ngọc Minh Thư	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1478	Phan Ngọc Bích Trâm	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1479	Phan Ngọc Mai Trâm	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1480	Hà Trần Phúc Triết	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1481	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1482	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1483	Đỗ Ngọc Khánh Vy	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1484	Nguyễn Hạnh Vy	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1485	Nguyễn Nhựt Thanh Vy	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1486	Nguyễn Tường Vy	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1487	Trương Bảo Yên	11A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
1488	Phạm Trần Quỳnh Anh	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1489	Trần Ngọc Minh Anh	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1490	Cam Huệ Ân	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1491	Nguyễn Hoàng Bách	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1492	Nguyễn Nhật Duy	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1493	Hàng Gia Hân	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1494	Lê Hồng Hân	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1495	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1496	Nguyễn Bảo Kim Hoa	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1497	Phạm Khánh Luân	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1498	Hồng Thuận Mỹ	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1499	Lữ Hoàng Nam	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1500	Nguyễn Kim Ngân	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1501	Trần Ngô Gia Nghi	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1502	Lại Hoàng Thanh Ngọc	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1503	Nguyễn Thanh Ngọc	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1504	Phạm Như Ngọc	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1505	Quách Hồng Bảo Ngọc	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1506	Lưu Cảnh Nguyên	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1507	Lê Thị Yến Nhi	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1508	Phan Nguyễn Yến Nhi	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1509	Tạ Tâm Như	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1510	Phan Thành Phát	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1511	Hà Tuấn Phong	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1512	Thôi Huỳnh Phúc	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1513	Trần Như Phúc	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1514	Nguyễn Ngọc Thanh Tâm	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1515	Đặng Thanh Thảo	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1516	Nguyễn Ngọc Thảo	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1517	Võ Ngọc Thắm	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1518	Trần Chí Thiện	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1519	Nguyễn Lâm Xuân Thùy	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1520	Nguyễn Thị Phương Thùy	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1521	Nguyễn Minh Thư	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1522	Nguyễn Hồng Thy	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1523	Nguyễn Thị Minh Trang	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1524	Lê Phú Quỳnh Trâm	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1525	Lý Hồng Ngọc Trân	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1526	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1527	Trần Ngọc Thanh Trân	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1528	Lưu Hải Triều	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1529	Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1530	Phan Dương Phương Uyên	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1531	Bạch Tú Văn	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1532	Bùi Thị Yến Vy	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1533	Trần Lê Vy	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1534	Phạm Thanh Như Ý	11A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
1535	Đoàn Thiên An	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1536	Nguyễn Trọng Ân	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1537	Phạm Quốc Bảo	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1538	Ngô Khánh Bằng	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1539	Phan Quốc Bình	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1540	Lê Huỳnh Kim Chi	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1541	Phạm Thành Danh	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1542	Nguyễn Hoàng Duy	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1543	Nguyễn Minh Đức	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1544	Lê Nguyễn Hồng Hải	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1545	Âu Mỹ Hạnh	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1546	Chu Khánh Hoàng	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1547	Hy Huê Hưng	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1548	Nguyễn Thành Hưng	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1549	Trần Đức Hường	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1550	Đỗ Hữu Đăng Khoa	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1551	Lê Phan Nguyên Khoa	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1552	Nguyễn Mậu Thành Luân	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1553	Lê Yến Mai	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1554	Nguyễn Xuân Mai	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1555	Phạm Phú Minh	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1556	Hoàng Kim Ngân	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
1557	Nguyễn Võ Khánh Ngân	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1558	Nguyễn Quỳnh Nghi	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1559	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1560	Trương Thu Ngọc	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1561	Lâm Thiện Nhân	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1562	Huỳnh Yến Nhi	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1563	Lê Quang Nhựt	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1564	Nguyễn Chung Tấn Phú	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1565	Lê Như Quỳnh	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1566	Lý Ngọc Minh Tâm	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1567	Lại Quốc Tấn	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1568	Nguyễn Thị Hồng Thanh	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1569	Nguyễn San Mẫn Thiên	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1570	Nguyễn Hiếu Thuận	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1571	Bùi Mỹ Quỳnh Thương	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1572	Nguyễn Thị Thương	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1573	Huỳnh Thụy Thanh Trà	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1574	Phạm Thanh Trúc	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1575	Đinh Minh Tuệ	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1576	Ngô Thanh Tứ	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1577	Huỳnh Ái Vy	12A1	180.000	9	4	5	1.620.000	
1578	Nguyễn Phước An	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1579	Trần Ngọc Mỹ Anh	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1580	Võ Ngọc Quỳnh Anh	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1581	Phạm Minh Châu	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1582	Phạm Thành Đạt	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1583	Võ Phước Điền	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1584	Trần Chí Hào	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1585	Vương Cẩm Hằng	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1586	Trần Trọng Hiếu	12A2	180.000	2	2	0	360.000	Học từ T9/23 -> T10/23
1587	Lại Phước Xuân Huyền	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1588	Nguyễn Phước Khang	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1589	Trương Quốc Khang	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1590	Hồ Huỳnh Đăng Khoa	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1591	Trần Đăng Khoa	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1592	Trần Ngọc Tuấn Kiệt	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1593	Hoàng Ngọc Linh	12A2	180.000	5	4	1	900.000	Học từ T9/23 -> T01/24
1594	Nguyễn Thị Ngọc Nga	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1595	Nguyễn Giang Nghi	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1596	Trần Tú Ngọc	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1597	Kiều Hào Nhi	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1598	Trần Ngọc Yến Nhi	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1599	Hà Tuyết Như	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1600	Trần Đăng Phong	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1601	Nguyễn Thị Kim Phụng	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1602	Đoàn Hồng Quyên	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1603	Nguyễn Thanh Sang	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1604	Đặng Đình Hoàng Sơn	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1605	Nguyễn Thanh Tân	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1606	Nguyễn Võ Nhật Thuận	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1607	Nguyễn Minh Thư	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1608	Trần Cẩm Tiên	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1609	Đặng Trí Tín	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1610	Huỳnh Trọng Tín	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1611	Huỳnh Ngọc Trâm	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1612	Lê Ngọc Bảo Trân	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1613	Nguyễn Minh Trí	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1614	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1615	Lê Quách Thanh Vinh	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1616	Đỗ Thị Thuý Vy	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1617	Lê Huỳnh Ngọc Tường Vy	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1618	Công Nguyễn Thanh Xuân	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1619	Phạm Lê Như Ý	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1620	Nguyễn Hoàng Hải Yến	12A2	180.000	9	4	5	1.620.000	
1621	Đinh Quốc Anh	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1622	Trần Quốc Bình	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1623	Võ Trọng Đạt	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1624	Sơn Trần Ngọc Khánh Hà	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1625	Lữ Tấn Hải	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1626	Huỳnh Gia Hân	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1627	Nguyễn Lê Gia Hân	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1628	Trương Ngọc Hân	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1629	Nguyễn Kim Hưng	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1630	Nguyễn Khoa Tuấn Kiệt	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1631	Phan Ngọc Trúc Linh	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1632	Phan Thái Long	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1633	Đỗ Thị Cẩm Ly	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1634	Trần Ngọc Kim Ngân	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1635	Phạm Bảo Ngọc	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1636	Phạm Nguyễn Bảo Nguyên	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
1637	Nguyễn Phương Quỳnh Nhi	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1638	Trần Anh Nhi	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1639	Lê Tấn Phát	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1640	Huỳnh Bảo Phong	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1641	Lạc Quốc Phong	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1642	Trần Minh Quân	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1643	Trịnh Lê Thiên Quân	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1644	Nguyễn Hồng Bảo Quyên	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1645	Lê Nguyễn Như Quỳnh	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1646	Phạm Trọng Sang	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1647	Trần Hùng Sơn	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1648	Nguyễn Đoàn Nhật Tân	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1649	Trần Kim Thành	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1650	Nguyễn Trung Tín	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1651	Trần Thanh Toàn	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1652	Nguyễn Phạm Thùy Trang	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1653	Nguyễn Thụy Ánh Trang	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1654	Nguyễn Võ Phương Trâm	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1655	Trương Gia Tuệ	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1656	Đào Thị Sơn Tuyền	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1657	Lê Huỳnh Thanh Vân	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1658	Lê Thị Thúy Vân	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1659	Vũ Thị Hà Vi	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1660	Hoàng Thúy Vy	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1661	Nguyễn Phương Vy	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1662	Nguyễn Trần Kim Xuyên	12A3	180.000	9	4	5	1.620.000	
1663	Trần Hoàng An	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1664	Vương Trúc An	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1665	Nguyễn Hoàng Ân	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1666	Nguyễn Phúc Bảo	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1667	Trần Hoàng Quốc Bảo	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1668	Võ Huỳnh Gia Bảo	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1669	Lê Cao Chí Công	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1670	Tăng Thúy Doanh	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1671	Nguyễn Khánh Duy	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1672	Nguyễn Quốc Duy	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1673	Lê Nguyễn Uyên Đan	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1674	Nguyễn Duy Đạt	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1675	Mohamad Fikri	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1676	Phạm Minh Hiếu	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1677	Lê Anh Hoàng	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1678	Nguyễn Quốc Huy	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1679	Phạm Ngụy Gia Huy	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1680	Trần Dương Tuấn Huy	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1681	Đặng Lưu Khánh Huyền	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1682	Lương Vĩnh Khang	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1683	Ngô Đình Minh Khoa	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1684	Ha Sa Line	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1685	Nguyễn Ngọc Mai Linh	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1686	Bùi Thị Thanh Mai	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1687	Huỳnh Ngọc Nhã My	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1688	Châu Hoàng Nhân	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1689	Huỳnh Đăng Như	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1690	Nguyễn Thị Kim Oanh	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1691	Tổng Bửu Phát	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1692	Mai Thới Đăng Phong	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1693	Ký Tấn Phúc	12A4	180.000	5	4	1	900.000	Học từ T9/23 -> T01/24
1694	Trần Kỳ Quang	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1695	Lâm Mỹ Quyên	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1696	Dương Tiến Tài	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1697	Trần Ngọc Quế Thương	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1698	Trần Nguyễn Trọng Tín	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1699	Hồ Minh Trí	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1700	Phạm Minh Tú	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1701	Phạm Trần Quân Tường	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1702	Khuru Tú Uyên	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1703	Huỳnh Thị Thanh Vân	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1704	Nguyễn Trí Vĩ	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1705	Giáp Nguyễn Tường Vy	12A4	180.000	9	4	5	1.620.000	
1706	Đào Quốc Anh	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1707	Trần Ngọc Thuý Anh	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1708	Nguyễn Gia Bảo	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1709	Cao Thị Ngọc Châu	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1710	Phan Đỗ Minh Đức	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1711	Nguyễn Phúc Hào	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1712	Lê Nguyễn Ngọc Hân	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1713	Huỳnh Bích Hoàng	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1714	Lê Đăng Huy	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1715	Nguyễn Minh Huy	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1716	Nguyễn Hoàng Kha	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1717	Nguyễn Đức Khiêm	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1718	Nguyễn Đăng Khoa	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1719	Nguyễn Lê Minh Khôi	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1720	Lou Gia Lập	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1721	Lê Xuân Long	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1722	Thái Gia Long	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1723	Nguyễn Lộc	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1724	Nguyễn Phước Lộc	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1725	Phạm Quang Minh	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1726	Phùng Uyên My	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1727	Trương Khánh Ngân	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1728	Võ Kim Ngân	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1729	Nguyễn Lá Ngọc	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1730	Lê Nguyễn Khôi Nguyên	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1731	Trương Nguyễn Minh Nguyệt	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1732	Tạ Minh Quỳnh Như	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1733	Dương Gia Phát	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1734	Đình Thành Phát	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1735	Hình Vĩnh Phát	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1736	Lại Hữu Duy Phát	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1737	Ngô Thanh Như Phúc	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1738	Trần Ngọc Thúy Phương	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1739	Tạ Tân Quốc	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1740	Lý Thiên Ngọc Quỳnh	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1741	Nguyễn Đỗ Phương Quỳnh	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1742	Văn Công Trường Sơn	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1743	Bùi Mạnh Tài	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1744	Lê Hồng Thái	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1745	Lou Gia Thành	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1746	Phạm Võ Tuấn Thành	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1747	Bùi Phước Thịnh	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1748	Hán Ngọc Thúy	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1749	Diệp Thanh Tuyền	12A5	180.000	9	4	5	1.620.000	
1750	Nguyễn Trần Quốc Anh	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1751	Nguyễn Lương Gia Bằng	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1752	Thạch Ngọc Bảo Châu	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1753	Trần Đặng Thuỳ Dung	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1754	Nguyễn Thị Kim Duyên	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1755	Lê Tiến Đạt	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1756	Nguyễn Minh Đạt	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1757	Văn Tấn Đạt	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1758	Tăng Kim Đình	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1759	Đỗ Minh Đức	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1760	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1761	Phan Chí Hải	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1762	Hà Kiến Hào	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1763	Nguyễn Trung Hiếu	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1764	Trần Minh Hiếu	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1765	Phạm Đăng Thanh Huy	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1766	Thị Gia Huy	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1767	Bùi Lê Nguyên Khang	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1768	Võ Phúc Vĩnh Khang	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1769	Vũ Hoàng Khang	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1770	Phạm Anh Khoa	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1771	Phạm Anh Khôi	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1772	Nguyễn Anh Kiệt	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1773	Trần Tuấn Kiệt	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1774	Lê Trương Thành Lễ	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1775	Trần Chí Lộc	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1776	Mạc Tuyết Mi	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1777	Trần Thị Diễm Mi	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1778	Phan Võ Hà My	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1779	Nguyễn Ngọc Phương Ngân	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1780	Thái Kim Ngân	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1781	Đặng Nhật Xuân Nhi	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1782	Giang Kim Quế	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1783	Nguyễn Trần Việt Sơn	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1784	Trần Phan Kim Thanh	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1785	Đỗ Minh Thông	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1786	Trần Bích Thùy	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1787	Võ Ngọc Minh Thư	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1788	Trần Vĩnh Toàn	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1789	Cao Võ Anh Triết	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1790	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1791	Võ Thanh Tuyền	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1792	Nguyễn Thế Vinh	12A6	180.000	9	4	5	1.620.000	
1793	Huỳnh Vĩ Đạt	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1794	Nguyễn Phúc Đạt	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1795	Nguyễn Trần Hải Đăng	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1796	Nguyễn Duy Hân	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
1797	Trần Tú Hân	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1798	Huỳnh Đức Huy	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1799	Mai Anh Huy	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1800	Nguyễn Quan Huy	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1801	Phan Vĩ Đình Huy	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1802	Trần Tiến Hưng	12A7	180.000	3	3	0	540.000	Học từ T9/23 -> T11/23
1803	Nguyễn Hoàng An Khang	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1804	Nguyễn Tuấn Khang	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1805	Nguyễn Đăng Khoa	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1806	Trần Tuấn Lâm	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1807	Đỗ Hoàng Khánh Linh	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1808	Nguyễn Hoàng Long	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1809	Trần Hoàng Long	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1810	Trương Kha Nhật Minh	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1811	Nguyễn Trình Gia Nghi	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1812	Tăng Bội Nghi	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1813	Đỗ Lê Thanh Nhi	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1814	Nguyễn Phạm Tuyết Nhi	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1815	Vũ Tiến Phát	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1816	Nguyễn Trần Gia Phi	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1817	Trần Gia Phúc	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1818	Lâm Tổ Phương	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1819	Lê Tấn Tài	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1820	Nguyễn Trần Phương Tâm	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1821	Lê Thanh Tân	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1822	Mao Ngọc Thanh	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1823	Đoàn Liêng Thành	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1824	Tô Tấn Thành	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1825	Phạm Đức Thắng	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1826	Nguyễn Trí Thiện	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1827	Vũ Minh Thiện	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1828	Lâm Minh Thông	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1829	Nguyễn Ngọc Phương Toàn	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1830	Đặng Nguyễn Bảo Trân	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1831	Võ Hồ Ánh Tuyết	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1832	Võ Thành Vinh	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1833	Ngô Mỹ Ý	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1834	Nguyễn Phan Như Ý	12A7	180.000	9	4	5	1.620.000	
1835	Nguyễn Phạm Minh Anh	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1836	Vũ Ngọc Trâm Anh	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I x 2	7
1837	Lê Ngọc Ánh	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1838	Lý Thuý Ân	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1839	Ngô Hải Đăng	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1840	Thái Tuyên Loan	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1841	Trần Ái Ly	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1842	Đặng Huệ Mẫn	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1843	Hồ Thị Diễm My	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1844	Phạm Lê Kim Ngân	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1845	Trịnh Hồng Ngân	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1846	Nguyễn Lê Trung Nghĩa	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1847	Huỳnh Như Ngọc	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1848	Trang Lê Châu Ngọc	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1849	Dương Bội Nhi	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1850	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1851	Ngô Gia Như	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1852	Ngô Thuận Phát	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1853	Nguyễn Trương Đại Phát	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1854	Lê Đình Phúc	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1855	Nguyễn Trọng Phúc	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1856	Lưu Mỹ Phương	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1857	Nguyễn Thị Thanh Phương	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1858	Lương Chấn Quyền	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1859	Nguyễn Hoàng Tâm	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1860	Hà Thị Thanh Thảo	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1861	Trịnh Đức Thuận	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1862	Lê Ngọc Anh Thư	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1863	Kiên Nguyễn Thuý Tiên	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1864	Cái Tăng Minh Toàn	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1865	Bùi Thị Kim Trang	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1866	Nguyễn Thị Bích Trâm	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1867	Phạm Ngọc Trâm	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1868	Nguyễn Bảo Trân	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1869	Thái Mỹ Trân	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1870	Hà Minh Trọng	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1871	Hồ Ngọc Thanh Trúc	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1872	Nguyễn Bùi Thanh Trúc	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1873	Nguyễn Quách Anh Tuấn	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1874	Bùi Ngọc Phương Uyên	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1875	Nguyễn Võ Tường Vy	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1876	Gip Phi Yến	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I×2</i>	<i>7</i>
1877	Nguyễn Thị Kim Yến	12A8	180.000	9	4	5	1.620.000	
1878	Nguyễn Nhật Hoa Anh	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1879	Nguyễn Phan Gia Bảo	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1880	Trần Quốc Công	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1881	Lưu Thị Thu Duyên	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1882	Nguyễn Kim Định	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1883	Phan Nhật Hào	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1884	Lại Ngọc Hân	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1885	Huỳnh Quốc Gia Huy	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1886	Phan Hoàng Huy	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1887	Trần Thanh Hưng	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1888	Phù Minh Khang	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1889	Trần Minh Khoa	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1890	Đặng Anh Kiệt	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1891	Vũ Bội Linh	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1892	Huỳnh Gia Mẫn	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1893	Nguyễn Lê Minh	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1894	Trần Phạm Ngọc Minh	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1895	Võ Thị Kim Ngân	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1896	Bùi Đỗ Trung Nghĩa	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1897	Nguyễn Hiếu Nghĩa	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1898	Trần Như Ngọc	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1899	Trịnh Nhựt Nguyên	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1900	Trần Lê Nguyễn	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1901	Phạm Nguyễn Kiều Nhi	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1902	Võ Ngọc Như	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1903	Dương Mạnh Phát	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1904	Huỳnh Nhân Phúc	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1905	Dương Lê Ngọc Phụng	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1906	Tăng Mỹ Quyên	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1907	Ngô Quang Thắng	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1908	Nguyễn Hoàng Thịnh	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1909	Nguyễn Hiền Thực	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1910	Đinh Thị Anh Thư	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1911	Đặng Thị Thủy Tiên	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1912	Huỳnh Ngọc Tiến	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1913	Phạm Trung Tính	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1914	Phạm Uyên Trâm	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1915	Võ Đình Trị	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1916	Huỳnh Phạm Minh Tuấn	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1917	Trương Vĩnh Tường	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1918	Tô Ngọc Phương Uyên	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1919	Bùi Lưu Nguyên Vũ	12A9	180.000	9	4	5	1.620.000	
1920	Lê Huỳnh Nguyên An	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1921	Đặng Thành Công	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1922	Phan Minh Duy	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1923	Phan Mỹ Duyên	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1924	Phan Thành Đạt	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1925	Hồ Trung Hào	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1926	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1927	Phan Ngọc Đức Huy	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1928	Phùng Tâm Huy	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1929	Phan Vũ Duy Kha	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1930	Nguyễn Hoàng Anh Khôi	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1931	Huỳnh Minh Lành	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1932	Lê Xuân Lộc	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1933	Nguyễn Ngọc Gia Mẫn	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1934	Nguyễn Đức Nam	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1935	Nguyễn Khoa Bảo Nhi	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1936	Lâm Yến Như	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1937	Nurisa	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1938	Bùi Đức Phát	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1939	Trần Hồng Phát	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1940	Đinh Ngọc Phúc	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1941	Nguyễn Hoàng Phúc	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1942	Võ Lý Minh Quân	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1943	Nguyễn Nhật Quy	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1944	Trần Ái Quỳnh	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1945	Phạm Lê Thành	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1946	Vũ Lê Minh Thảo	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1947	Đặng Song Minh Thắng	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1948	Nguyễn Cao Minh Thiện	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1949	Nguyễn Đức Thiện	12A10	180.000	7	4	3	1.260.000	Học từ T9/23 -> T03/24
1950	Cao Đặng Quốc Thịnh	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1951	Võ Thái Thuận	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1952	Lý Minh Thuận	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1953	Phạm Thanh Thúy	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1954	Lâm Thị Cẩm Tiên	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1955	Châu Minh Toàn	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1956	Trần Thanh Trà	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1957	Trần Bảo Trân	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1958	Đỗ Minh Triết	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1959	Lâm Thanh Trúc	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1960	Trương Văn Trung	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1961	Hoàng Thanh Vân	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1962	Nguyễn Ngọc Thúy Vy	12A10	180.000	9	4	5	1.620.000	
1963	Hà Ngọc Anh	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1964	Lê Đặng Phương Anh	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1965	Nguyễn Huỳnh Anh	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1966	Trần Ngọc Anh	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1967	Trương Tuấn Cường	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1968	Huỳnh Mỹ Dỹ	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1969	Trần Gia Hậu	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1970	Cao Thị Thu Hiền	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1971	Nguyễn Thị Thanh Hồng	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1972	Nguyễn Huy An Khang	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1973	Trần Hoàng Khang	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1974	La Trí Khoa	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1975	Đinh Lưu Huệ Lan	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1976	Dư Diệu Linh	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1977	Mai Ngọc Phương Linh	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1978	Từ Quách Thơ Long	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1979	Nguyễn Trần Phương Minh	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1980	Phùng Thị Hoài Nam	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1981	Nguyễn Huỳnh Ngọc Nga	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1982	Lê Trần Xuân Nghi	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1983	Nguyễn Lê Quỳnh Như	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1984	Nguyễn Thị Quỳnh Như	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1985	Nguyễn Song Hồng Phúc	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1986	Nguyễn Trung Thiên Phúc	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1987	Huỳnh Nhật Phương	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1988	Mã Thiếu Quyên	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1989	Tsàn Dương Gia Thiệu	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1990	Nguyễn Thị Thanh Thùy	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1991	Vũ Lê Anh Thư	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1992	Hoàng Ngọc Hoài Thương	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1993	Lư Vĩ Tiên	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1994	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1995	Nguyễn Trần Minh Triết	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1996	Liên Liễu Trúc	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
1997	Liêu Thục Minh Tú	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1998	Lưu Bảo Tuấn	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
1999	Bùi Thị Ngọc Tuyền	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
2000	Đình Thoại Phương Vy	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
2001	Nguyễn Dương Tường Vy	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
2002	Nguyễn Hoàng Yến	12A11	180.000	9	4	5	1.620.000	
2003	Đoàn Phạm Quốc Bảo	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2004	Phạm Hiếu Duy	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2005	Nguyễn Thành Đạt	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2006	Trần Gia Hân	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2007	Nguyễn Thị Lan Hương	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2008	Lại Thụy Như Khanh	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2009	Huỳnh Đăng Khoa	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2010	Nguyễn Trương Đăng Khoa	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2011	Mai Xuân Khuyên	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2012	Nguyễn Vũ Bích Lam	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2013	Phạm Thị Cẩm Ly	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2014	Phạm Gia Mẫn	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2015	Châu Bảo My	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2016	Nguyễn Thị Thảo My	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2017	Phạm Gia Mỹ	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2018	Nguyễn Phương Nam	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2019	Bùi Như Ngọc	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2020	Trần Thanh Nguyên	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2021	Trần Tâm Như	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2022	Từ Ngọc Oanh	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2023	Phan Thiện Phúc	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2024	Lý Thái Đăng Phương	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2025	Trần Lâm Ngọc Phương	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2026	Trương Trần Thanh Phương	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2027	Mạch Mỹ Quỳnh	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2028	Nguyễn Khánh Quỳnh	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2029	Lê Hồng Thanh	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2030	Trần Thanh Thanh	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2031	Võ Đặng Tiến Thành	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2032	Lê Phúc Thịnh	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2033	Đỗ Thị Minh Thư	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2034	Nguyễn Thị Anh Thư	12A12	180.000	7	4	3	1.260.000	Học từ T9/23 -> T03/24
2035	Trần Ngọc Mai Thy	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2036	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
2037	Đỗ Trương Hoàng Bảo Trân	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2038	Nguyễn Trần Bảo Trân	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2039	Nguyễn Quốc Trung	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2040	Lý Minh Tuấn	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2041	Lê Thanh Tùng	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2042	Nguyễn Lê Phương Uyên	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2043	Trần Gia Uyên	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2044	Nguyễn Trần Như Ý	12A12	180.000	9	4	5	1.620.000	
2045	Huỳnh Ngọc Anh	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2046	Đặng Huệ Ân	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2047	Huỳnh Ngọc Dung	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2048	Phan Mỹ Dung	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2049	Phạm Hoàng Duy	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2050	Nguyễn Tường Duy Duyên	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2051	Nguyễn Anh Hào	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2052	Nguyễn Chí Phúc Hậu	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2053	Nguyễn Đăng Hiếu	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2054	Trịnh Trí Khiêm	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2055	Triệu Nguyễn Minh Khôi	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2056	Nguyễn Thị Xuân Lan	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2057	Lương Thùy Linh	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2058	Nguyễn Phi Long	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2059	Huỳnh Trần Mì	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2060	Nguyễn Dương Hà My	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2061	Võ Văn Nam	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2062	Trần Thị Mỹ Ngân	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2063	Trương Hồng Ngọc	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2064	Ôn Chấn Nguyên	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2065	Nguyễn Đặng Thanh Nhi	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2066	Thạch Phương Bảo Như	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2067	Tiêu Thiên Phúc	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2068	Võ Như Phương	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2069	Phạm Lê Quang	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2070	Diệp Gia Quân	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2071	Nguyễn Mai Minh Quân	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2072	Lương Uyển San	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2073	Đình Phú Tài	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2074	Trần Thị Thanh Thúy	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2075	Lữ Trần Minh Thư	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2076	Trần Anh Thư	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
2077	Huỳnh Tiến	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2078	Ngô Huỳnh Kim Trang	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2079	Nguyễn Mai Trang	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2080	Nguyễn Lê Nhã Trúc	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2081	Trương Anh Tuấn	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2082	Phan Uyển Tuyền	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2083	Huỳnh Khải Văn	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2084	Huỳnh Kiều Vy	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2085	Lê Thảo Vy	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2086	Nguyễn Ngọc Ái Vy	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2087	Thái Lê Hoàng Yến	12A13	180.000	9	4	5	1.620.000	
2088	Bạch Bảo Anh	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2089	Hồ Mỹ Băng	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2090	Trần Khánh Băng	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2091	Phạm Vy Bảo Châu	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2092	Nguyễn Trương Thế Dinh	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2093	Trần Thái Duy	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2094	Phạm Minh Đức	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2095	Hồ Hoàng Bảo Hân	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2096	Trần Quốc Hưng	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2097	Hồ Thị Kiều Hương	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2098	Kỷ Thị Quỳnh Hương	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2099	Trương Đoàn Gia Khang	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2100	Bùi Đăng Khoa	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2101	Trần Đăng Khoa	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2102	Lê Thị Thúy Kiều	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2103	Nguyễn Ngọc Ánh Linh	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2104	Thái Y Linh	12A14	180.000	2	2	0	360.000	Học từ T9/23 -> T10/23
2105	Vũ Thiều Xuân Minh	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2106	Trương Phạm Diễm My	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2107	Huỳnh Mỹ Nga	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2108	Lê Thị Kim Ngân	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2109	Nguyễn Hớn Nguyên	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2110	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2111	Nguyễn Thị Yến Nhi	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2112	Hồ Thanh Phong	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2113	Phùng Tuấn Phúc	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2114	Trần Kim Phụng	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2115	Dương Phạm Đăng Quang	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2116	Lư Dương Quang	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
2117	Nguyễn Ngọc Quế Sang	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2118	Trần Anh Tài	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2119	Đặng Ngân Tâm	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2120	Đoàn Lê Minh Tân	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2121	Tà Gia Tấn	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2122	Nguyễn Thanh Thảo	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2123	Mai Thành Tiến	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2124	Phan Trần Kim Trang	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2125	Nguyễn Hàn Bảo Trâm	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2126	Nguyễn Thị Bảo Trân	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2127	Phạm Khánh Trúc	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2128	Trần Phương Tuấn	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2129	Mã Thanh Tuyền	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2130	Nguyễn Trịnh Phương Uyên	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2131	Nguyễn Thảo Vy	12A14	180.000	9	4	5	1.620.000	
2132	Nguyễn Lan Anh	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2133	Nguyễn Quỳnh Anh	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2134	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2135	Lê Thị Ngọc Ánh	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2136	Trang Kim Ánh	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2137	Trần Thế Duy	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2138	Phan Thị Diễm Hồng	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2139	Dương Quốc Huy	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2140	Nguyễn Minh Huy	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2141	Trương Gia Huy	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2142	Văn Quốc Huy	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2143	Trần Quốc Hưng	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2144	Diệp Nguyễn Thu Hương	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2145	Nguyễn Minh Kha	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2146	Phạm Trung Kiên	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2147	Tất Mỹ Linh	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2148	Phan Dương Ngọc Loan	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2149	Thái Nguyễn Thiện Nhân	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2150	Lê Thị Yến Nhi	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2151	Đặng Hoàng Bảo Như	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2152	Nguyễn Huỳnh Như	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2153	Nguyễn Thị Như	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2154	Nguyễn Văn Phúc	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2155	Ngô Huệ San	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2156	Đỗ Phú Sang	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)		
A	B	C	I	2	3	4	5=I×2	7
2157	Trần Hữu Thịnh	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2158	Lương Quế Thuận	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2159	Lê Anh Thư	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2160	Võ Ánh Minh Thư	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2161	Hồ Võ Quỳnh Trâm	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2162	Nguyễn Ngọc Thủy Trâm	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2163	Nguyễn Quỳnh Trâm	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2164	Nguyễn Thị Huyền Trân	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2165	Võ Cao Trí	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2166	Nguyễn Ngọc Anh Tú	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2167	Đoàn Minh Tuệ	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2168	Võ Ngọc Phương Uyên	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2169	Nguyễn Thị Hà Vân	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2170	Nguyễn Hữu Vũ	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2171	Phan Ngọc Vy	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2172	Trần Phạm Ái Vy	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2173	Nguyễn Đặng Ngọc Yến	12A15	180.000	9	4	5	1.620.000	
2174	Nguyễn Trần Phương Anh	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2175	Phạm Minh Anh	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2176	Nguyễn Đình Bách	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2177	Nguyễn Duy Hoài Bảo	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2178	Tăng Gia Bửu	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2179	Mai Ngọc Bảo Châu	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2180	Nguyễn Doãn Hoàng Chi	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2181	Phan Thành Danh	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2182	Nguyễn Cao Ngọc Diệp	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2183	Trần Khánh Duy	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2184	Nguyễn Thành Đạt	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2185	Nguyễn Văn Lê Hoàng	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2186	Chung Minh Khang	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2187	Lê Anh Khôi	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2188	Lâm Chí Kiệt	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2189	Phạm Hoàng Lâm	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2190	Nguyễn Thanh Long	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2191	Nguyễn Thành Luân	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2192	Trần Gia Mẫn	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2193	Ty A Mi Nah	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2194	Trần Thực Nghi	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2195	Trần Bảo Nhi	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2196	Nguyễn Hồng Như	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Cả năm học	Học kỳ I (≤ 4)	Học kỳ II (≤ 5)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=I \times 2</i>	<i>7</i>
2197	Lê Hồ Tấn Phát	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2198	Nguyễn Trường Phát	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2199	Ngô Cẩm Phú	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2200	Phạm Trần Trí Quang	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2201	Nguyễn Ngọc Quân	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2202	Võ Trúc Liên Thanh	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2203	Đặng Thị Thu Thảo	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2204	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2205	Võ Khánh Thi	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2206	Huỳnh Thị Minh Thư	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2207	Nguyễn Lâm Ái Thư	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2208	Lê Khanh Toàn	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2209	Mã Tú Trân	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2210	Phạm Phương Trúc	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2211	Nguyễn Trương Anh Tú	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2212	Huỳnh Anh Tuấn	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2213	Nguyễn Thanh Tùng	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2214	Lâm Trần Phương Uyên	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
2215	Võ Văn Vinh	12A16	180.000	9	4	5	1.620.000	
TỔNG CỘNG							3.565.080.000	